

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ LÂM TRUNG THUY**  
Số: 58/QĐ -UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Trung Thủy, ngày 10 tháng 07 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

*Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ - HĐND ngày 29/06/2021 của HĐND xã khóa XXI, kỳ họp thứ 1 về phê chuẩn quyết toán Thu chi ngân sách năm 2020;*

*Xét đề nghị của Ban Tài chính - Kế hoạch,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020 (Theo các phụ biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND-UBND xã; Ban Tài chính - Kế hoạch; Các phòng ban xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng Tài chính;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Lưu VT; TC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Thọ**

**BIỂU CÁN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ**  
**Năm 2020**

(Kèm theo công văn số 169/UBND-TC ngày 03/02/2020)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN	Ghi chú
<b>TỔNG SỐ THU</b>	36 391 585 275	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	36 391 585 275	
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	402 035 000	I. Chi đầu tư phát triển	8 974 529 000	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	13 562 619 209	I. Chi thường xuyên	23 293 592 129	
III. Thu bổ sung	22 177 269 000	III. Chi chuyển nguồn	4 069 802 680	
- Bổ sung cân đối	9 540 442 000	sang năm sau (nếu có)		
- Bổ sung có mục tiêu	12 636 827 000	IV. Chi dự phòng		
IV. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang (nếu có)		Chi kết dư ngân sách	53 661 466	
V: Kết dư ngân sách	249 662 066			

Ghi chú: (1) Bao gồm 5 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã, thị trấn hưởng tối thiểu 70% và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100% dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Nhung

Trưởng Ban tài chính

Đào Quốc Sĩ

Ngày 20 tháng 02 năm 2021

TM. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn



Chủ tịch  
Nguyễn Hữu Thọ



**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ**

**Năm 2020**

(Kèm theo công văn số 169/UBND-TC ngày 03/02/2020)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		% SO SÁNH	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
<b><u>TỔNG THU</u></b>	21 514 230 000	15 465 130 000	51 682 635 845	36 391 585 275	240	235
<b><u>I. Các khoản thu 100%</u></b>	385 000 000	385 000 000	651 697 066	651 697 066	169	169
- Phí, lệ phí	75 000 000	75 000 000	83 770 000	83 770 000	112	112
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	50 000 000	50 000 000	230 400 000	230 400 000	461	461
- Thu kết dư ngân sách năm trước			249 662 066	249 662 066		
- Thu khác và xử phạt	260 000 000	260 000 000	87 865 000	87 865 000	34	34
- Thu chuyển nguồn ngân sách						
<b><u>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phân trăm</u></b>	11 398 000 000	5 348 900 000	27 954 813 779	13 562 619 209	245	254
<b><u>I. Các khoản thu phân chia</u></b>	11 398 000 000	5 348 900 000	27 954 813 779	13 562 619 209	245	254
- Thuế chuyển quyền sử dụng đất	9 000 000 000	4 500 000 000	25 501 253 500	12 750 626 750	283	283
- Đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất			37 470 000	18 735 000		
- Thuế nhà, đất	26 000 000	26 000 000	17 909 685	17 909 685	69	69

- Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	55 000 000	24 900 000	24 900 000	45	45
- Thu từ sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp		4 784 750	4 784 750		
- Thuế NQD, HTX, hộ cá thể hoạt động KD	2 007 000 000	1 831 912 793	489 614 533	92	92
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	200 000 000	193 383 818	193 383 818	97	97
- Tiền thuế đất hàng năm	110 000 000	302 104 689	35 055 423	275	106
- Thu thuế mặt đất thu một lần cho cả thời gian thuế		20 004 264	20 004 264		
- Thu chậm nộp thuế		21 090 280	7 604 986		
<b>III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	9 731 230 000	23 076 125 000	22 177 269 000	237	228
- Bổ sung cân đối	9 731 230 000	10 439 298 000	9 540 442 000	107	98
- Bổ sung có mục tiêu		12 636 827 000	12 636 827 000		
<b>IV. Viên trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>					

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Nhung

Trưởng ban tài chính



Đào Quốc Sử

Ngày 20 tháng 02 năm 2021

TM. Ủy ban nhân dân xã

Chủ tịch

(Ký, ghi rõ họ và đóng dấu)



Nguyễn Hữu Thọ



**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ**  
**Năm 2020**  
 (Kèm theo công văn số 169/UBND-TC ngày 03/02/2020)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	% SO SÁNH QT/DT
<b>TỔNG CHI</b>	<b>15,495,130,000</b>	<b>32,268,121,129</b>	<b>208.2</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển (1)</b>	<b>4,533,000,000</b>	<b>8,974,529,000</b>	<b>198.0</b>
- Chi đầu tư XDCB	4,533,000,000	8,974,529,000	198.0
- Chi đầu tư phát triển khác	0	0	
<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>10,762,130,000</b>	<b>23,293,592,129</b>	<b>216.4</b>
1. Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	950,000,000	1,265,187,827	133.2
- Chi dân quân tự vệ	344,000,000	831,230,057	241.6
- Chi an ninh trật tự	294,000,000	433,957,770	147.6
2. Sự nghiệp giáo dục	150,000,000	354,658,400	236.4
3. Sự nghiệp y tế	0	6,021,900	
4. Sự nghiệp văn hoá, thông tin	80,000,000	0	0.0
5. Sự nghiệp thể dục thể thao	70,000,000	50,000,000	71.4
6. Sự nghiệp kinh tế	420,000,000	2,684,776,673	639.2
- SN giao thông	0	909,500,000	
- SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	0	1,745,276,673	
- SN thị chính			
- Thương mại, dịch vụ	0	30,000,000	
- Các sự nghiệp khác	0	0	
7. Sự nghiệp xã hội	776,000,000	1,443,661,700	186.0
- Hưu xã và trợ cấp khác	776,000,000	1,443,661,700	186.0
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa,	0	0	
- Khác	0	0	
8. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	8,316,130,000	17,489,285,629	210.3
Trong đó: Quỹ lương	0		
8.1. Quản lý Nhà nước	5,029,705,000	13,006,142,402	258.6
8.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	989,099,000	2,512,458,840	254.0
8.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	544,793,000	455,412,630	83.6
8.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	358,417,000	365,870,620	102.1
8.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	358,754,000	361,238,470	100.7
8.6. Hội Cựu chiến binh	363,449,000	385,420,000	106.0
8.7. Hội Nông dân	429,913,000	367,812,403	85.6
9. Chi khác	0	34,930,264	
10. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	242,000,000		
<b>III. Dự phòng</b>	<b>200,000,000</b>	<b>0</b>	<b>0.0</b>

Ngày 20. tháng 02 năm 2021.


Phụ trách kế toán

Trưởng Ban Tài chính

TM. Ủy ban nhân dân xã

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)


Nguyễn Thị Nhung

Đào Quốc Sử

Nguyễn Hữu Thọ